**Thứ hai ngày 15 tháng 01 năm 2024**

**Tuần 19**

***Tập đọc***

**NGƯỜI CÔNG DÂN SỐ MỘT**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT :**

**1. Kiến thức:** Hiểu được tâm trạng day dứt, trăn trở tìm đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành. Trả lời được các câu hỏi 1, 2 và câu hỏi 3.( không cần giải thích lí do).

**2. Kĩ năng**: Biết đọc đúng ngữ điệu văn bản kịch, phân biệt được lời tác giả với lời nhân vật (anh Thành, anh Lê).

- HS (M3,4) phân vai đọc diễn cảm vở kịch, thể hiện được tính cách nhân vật.(câu hỏi 4).

**3.Phẩm chất**: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm.

**4. Năng lực:**

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

\* Điểu chỉnh theo CV 405: GV bình giảng HS nghe ghi nội dung bài

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :**

**1. Đồ dùng**

- Giáo viên: Sách giáo khoa, tranh minh hoạ , bảng phụ viết sẵn đoạn văn cần luyện đọc

- Học sinh: Sách giáo khoa

**2. Phương pháp và kĩ thuật dạy học:**

- Phương pháp vấn đáp, động não, thực hành, thảo luận nhóm.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, kĩ thuật trình bày một phút, động não.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** |
| --- | --- |
| **1. HĐ khởi động:** *(3 phút)* | |
| - Cho HS hát  - Kiểm tra sự chuẩn bị sách vở của HS  - Giới thiệu bài và tựa bài: ***Người công dân số một*** | - Học sinh hát  - HS thực hiện  - Lắng nghe.  - Học sinh nhắc lại tên bài và mở sách giáo khoa. |
| **2. Hoạt động Khám phá (8 phút)** | |
| - Cho HS đọc toàn bài, chia đoạn    - Luyện đọc theo cặp.  - HS đọc toàn bài  - GV đọc mẫu.  **Lưu ý:** *Quan sát và theo dõi tốc độ đọc của đối tượng M1* | - 1 HS đọc toàn bài  + Đoạn 1:  *Từ đầu đến...Sài Gòn làm gì ?*  + Đoạn 2:  *Tiếp theo.....Sài Gòn này nữa ?*  + Đoạn 3*: Còn lại*  - Cho nhóm trưởng điều khiển nhóm đọc  + 3 HS đọc nối tiếp lần 1 kết hợp luyện đọc từ khó  + 3 HS đọc nối tiếp lần 2 kết hợp giải nghĩa từ +luyện đọc câu khó  - HS đọc theo cặp.  - Lớp theo dõi.  - HS theo dõi |
| **3. HĐ Thực hành:** *(20 phút)* | |
| - Yêu cầu HS trao đổi, thảo luận.  - Anh Lê giúp anh Thành việc gì?  - Anh Lê giúp anh Thành tìm việc đạt kết quả như thế nào?  - Thái độ của anh Thành khi nghe tin anh Lê nói về việc làm như thế nào?  - Theo em, vì sao anh Thành nói như vậy?  - Những câu nói nào của anh Thành cho thấy anh luôn nghĩ về dân về nước?  - Em có nhận xét gì về câu chuyện giữa anh Lê và anh Thành?  - Hãy tìm chi tiết thể hiện điều đó và giải thích?  - Theo em tại sao không ăn khớp với nhau?  -GV giảng  - Phần 1 đoạn kịch cho biết gì?  **Lưu ý:**  *- Đọc đúng: M1, M2*  *- Đọc hay: M3, M4* | - HS trao đổi thảo luận và trả lời câu hỏi  - Giúp anh Thành tìm việc ở Sài Gòn  - Anh Lê đòi thêm được cho anh Thành mỗi năm 2 bộ quần áo và mỗi tháng thêm 5 hào.  - Anh Thành không để ý đến công việc và món tiền lương mà anh Lê tìm cho. Anh nói: "*Nếu chỉ cần miếng cơm manh áo thì tôi ở Phan Thiết cũng đủ sống".*  *-* Vì anh không nghĩ dến miếng cơm manh áo của cá nhân mình mà nghĩ đến dân, đến nước  + "Chúng ta là đồng bào, cùng máu đỏ da vàng. Nhưng ....... anh có khi nào nghĩ đến đồng bào không".  + "Vì anh với tôi.... công dân nước Việt...."  - Câu chuyện giữa anh Lê và anh Thành không cùng một nội dung, mỗi người nói một chuyện khác.  + Anh Lê hỏi: Vậy anh vào Sài Gòn này làm gì? Anh Thành đáp: anh học trường Sa-xơ-lu....  + Anh Lê nói : nhưng tôi...... này nữa.  + Anh Thành trả lời:.... không có khói.  - Vì anh Lê nghĩ đến miếng cơm manh áo. Còn anh Thành nghĩ đến việc cứu nước, cứu dân.  -HS nghe ghi nội dung bài  - Tâm trạng của người thanh niên Nguyễn Tất Thành day dứt, trăn trở tìm đường cứu nước, cứu dân. |
| **HĐ Luyện đọc lại - Đọc diễn cảm:** *(8 phút)* | |
| - Nên đọc vở kịch thế nào cho phù hợp?  - Cho học sinh đọc phân vai  - GV đưa bảng phụ chép đoạn 1 để HS luyện đọc  - GV đọc mẫu  - HS luyện đọc theo cặp  - Cho HS thi đọc  - GV nhận xét, khen nhóm đọc hay | - HS tìm cách đọc  - HS đọc phân vai  - HS luyện đọc  - HS nghe  - HS đọc theo nhóm  - 3 nhóm lên thi đọc |
| **4. Hoạt động Vận dụng:** (2 phút) | |
| - Anh Thành đến Sài Gòn nhằm mục đích gì ? | - Anh Thành đến Sài Gòn để tìm đường cứu nước. |
| **5. Hoạt động sáng tạo**:( 1 phút) | |
| - Về nhà tìm thêm các tư liệu về Bác Hồ khi ra đi tìm đường cứu nước. | - Lắng nghe và thực hiện. |

***Toán***

**DIỆN TÍCH HÌNH THANG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT :**

**1.Kiến thức:**

- Biết tính diện tích hình thang, biết vận dụng vào giải các bài tập liên quan.

- HS làm bài 1a, bài 2a.

**2. Kĩ năng:** Rèn kĩ năng giải các bài toán liên quan đến tính diện tích hình thang

**3. Phẩm chất:** chăm chỉ, trách nhiệm

**4. Năng lực:**

- Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :**

**1. Đồ dùng**

- Giáo viên: Bảng phụ, giấy mầu cắt hình thang.

- Học sinh: Vở, SGK, bộ đồ dùng học toán

**2. Phương pháp và kĩ thuật dạy học:**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, trò chơi học tập.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, tia chớp, động não

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** |
| --- | --- |
| **1. Hoạt động khởi động:(3 phút)** | |
| - Cho HS thi đua:  + Nêu công thức diện tích tam giác.  + Nêu các đặc điểm của hình thang.  + Hình như thế nào gọi là hình thang vuông?  - Gv nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | - HS thi đua  - HS nghe  - HS ghi vở |
| **2.Hoạt động Khám phá:(15 phút)** | |
| \**Xây dựng công thức tính diện tích hình thang*  \****Cắt ghép hình:*** *HS thao tác cá nhân*  - Yêu cầu HS xác định trung điểm M của cạnh BC.  - Yêu cầu HS vẽ  - Yêu cầu HS suy nghĩ và xếp hình  - GV thao tác lại, gắn hình ghép lên bảng  **\**So sánh đối chiếu các yếu tố hình học giữa hình thang ABCD và hình tam giác ADK.***  - Hãy so sánh diện tích hình thang ABCD và diện tích tam giác ADK  - GV viết bảng  SABCD = SADK  - Nêu cách tính diện tích tam giác ADK  - GV viết bảng:  SABCD= SADK= DK x AH : 2  ***-*** Hãy so sánh chiều cao của hình thang ABCD và chiều cao của tam giác ADK  - Hãy so sánh độ dài đáy DK của tam giác ADK và tổng độ dài 2 đáy AB và CD của hình thang ABCD?  - GV viết bảng:  SABC D = SAD K = DK x AH : 2  = (DC + AB) x AH : 2 (1)  (AB, CD : độ dài 2 đáy hình thang  AH : Chiều cao)  - Để tính diện tích hình thang ta làm như thế nào?  *Quy tắc:*  - GV giới thiệu công thức:    - Gọi HS nêu quy tắc và công thức tính | - HS xác định trung điểm M của BC.  - HS dùng thước vẽ  - HS xếp hình và đặt tên cho hình  - HS quan sát và so sánh  - Diện tích hình thang bằng diện tích tam giác ADK  - Diện tích tam giác ADK độ dài đáy DK nhân với chiều cao AH chia 2.  - Bằng nhau (đều bằng AH)    - DK = AB + CD  - Diện tích hình thang bằng tổng độ dài hai đáy nhân với chiều cao (cùng một đơn vị đo) rồi chia cho 2  - 2 HS nêu. |
| **3. HĐ thực hành: *(15 phút)*** | |
| **Bài 1a: *Cá nhân***  - Gọi HS đọc đề bài.  - Yêu cầu HS làm bài cá nhân  - Yêu cầu HS chia sẻ  - GV nhận xét, kết luận  **Bài 2a*:***  - Yêu cầu HS đọc đề bài  - Yêu cầu HS viết quy tắc tính diện tích hình thang  - Yêu cầu HS làm bài vào vở, chia sẻ  - GV nhận xét , kết luận  **Bài 3(M3,4): *HĐ cá nhân***  - Cho HS làm bài cá nhân.  - GV quan sát giúp đỡ nếu cần thiết. | - Tính diện tích hình thang biết :  a. a = 12cm; b = 8cm; h = 5cm.  - 1 HS lên bảng, HS dưới lớp làm vào vở.  *Bài giải*  a. Diện tích hình thang là:  (12 + 8 ) x 5 : 2 = 50 (cm2)  Đáp số : 50 cm2  - HS đọc yêu cầu  - HS viết ra vở nháp.  - 1 HS chia sẻ trước lớp  a) S = ( 9 + 4 ) x 5 : 2 = 32,5 (cm2)  - HS làm bài cá nhân, báo cáo kết quả  *Bài giải*  *Chiều cao của thửa ruộng hình thang là:*  *(110 + 90,2) : 2 = 100,1(m)*  *Diện tích của thửa ruộng hình thang là:*  *(110 + 90,2) x 100,1 : 2 = 10020,01(m2)*  *Đáp số: 10020,01m2* |
| **4. Hoạt động Vận dụng**:(3 phút) | |
| - Cho HS tính diện tích hình thang có độ dài hai cạnh đáy là 24m và 18m, chiều cao là 15m. | - HS tính:  S = (24 + 18) x 15 : 2 = 315(m2) |
| **5. Hoạt động sáng tạo**:(1phút) | |
| - Về nhà tìm thêm các bài tập tương tự để làm. | - HS nghe và thực hiện |

***Chính tả***

**NHÀ YÊU NƯỚC NGUYỄN TRUNG TRỰC ( NGHE – VIẾT )**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT :**

**1. Kiến thức:**

- Viết đúng bài chính tả, trình bày đúng hình thức bài văn xuôi.

- Làm được bài tập 2, bài 3a .

**2. Kĩ năng:** Rèn kĩ năng viết đúng âm đầu ***r/d/gi.***

**3. Phẩm chất:** yêu nước, chăm chỉ, nhân ái ,trách nhiệm.

**4. Năng lực:**

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

**- GDAN-QP:** Nêu những tấm gương anh dũng hi sinh trong kháng chiến chống giặc ngoại xâm.

\*Điều chỉnh theo CV405: HS nghe ghi 1-2 câu về trách nhiệm của bản thân đối với dất nước.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :**

**1. Đồ dùng**

- Giáo viên: Bảng phụ

- Học sinh: Vở viết.

**2. Phương pháp và kĩ thuật dạy học:**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, động não.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** |
| --- | --- |
| **1. Hoạt động khởi động:(3 phút)** | |
| - Cho HS hát  - Kiểm tra đồ dùng học tập của học sinh.  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | - HS hát  - HS thực hiện  - HS ghi vở |
| **2.Hoạt động Khám phá:(7 phút)** | |
| *\* Tìm hiểu nội dung đoạn văn*  - Yêu cầu HS đọc đoạn văn  + Em biết gì về nhà yêu nước Nguyễn Trung Trực  + Nhà yêu nước Nguyễn Trung Trực đã có câu nói nào lưu danh muôn đời  + Nêu những tấm gương anh dũng hi sinh trong kháng chiến chống giặc ngoại xâm ?  *\* Hướng dẫn viết từ khó*  - Yêu cầu HS nêu các từ ngữ khó, dễ lẫn  - Yêu cầu HS viết từ khó  - Trong đoạn văn em cần viết hoa những từ nào? | - HS đọc đoạn văn  - Nguyễn Trung Trực sinh ra trong một gia đình nghèo. Năm 23 tuổi ông lãnh đạo cuộc nổi dậy ở Phủ Tây An và lập nhiều chiến công, ông bị giặc bắt và bị hành hình.  - Câu nói: "Bao giờ người Tây nhổ hết cỏ nước Nam thì mới hết người Nam đánh Tây.  - HS nêu: Trần Bình Trọng, Trần Quốc Toản, Lý Tự Trọng, Vừ A Dính, Võ Thị Sáu, Kim Đồng, Nguyễn Văn Trỗi,...  - HS nêu  - 3 HS lên bảng, lớp viết vào nháp  - Tên riêng :  Nguyễn Trung Trực, Vàm Cỏ, Tân An, Long An, Tây Nam Bộ, Nam Kỳ, Tây Nam. |
| **3. HĐ Thực hành. *(15 phút)*** | |
| - GV đọc mẫu lần 1.  - GV đọc lần 2 (đọc chậm)  - GV đọc lần 3. | - HS theo dõi.  - HS viết theo lời đọc của GV.  - HS soát lỗi chính tả. |
| **HĐ chấm và nhận xét bài *(3 phút)*** | |
| - GV chấm 7-10 bài.  - Nhận xét bài viết của HS. | - Thu bài chấm  - HS nghe |
| **HĐ làm bài tập: *(8 phút)*** | |
| **Bài 2: *HĐ Cặp đôi***  - Gọi HS đọc yêu cầu đề bài  - Yêu cầu HS làm bài theo cặp  - Cho Hs chia sẻ  - GV nhận xét, kết luận  - Gọi HS đọc lại bài thơ  **Bài 3a: *Trò chơi***  - HS đọc yêu cầu  -Tổ chức cho HS thi điền tiếng nhanh theo nhóm  - GV nhận xét chữa bài | - HS đọc đề bài  - 2 HS ngồi cùng bàn thảo luận và làm vào vở sau đó chia sẻ  - HS nghe  - 1 HS đọc bài thơ  Tháng giêng của bé  Đồng làng nương chút heo may  Mầm cây tỉnh *giấc*, vườn đầy tiếng chim  Hạt mưa mải miết *trốn* tìm  Cây đào trước cửa lim dim mắt cười  Quất *gom* từng hạt nắng rơi  Làm thành quả những mặt trời vàng mơ  Tháng *giêng* đến tự bao giờ  Đất trời viết tiếp bài thơ *ngọt ngào*  - HS đọc yêu cầu  - HS thi tiếp sức điền tiếng  + Ve nghĩ mãi không *ra*, lại hỏi  + Bác nông dân ôn tồn giảng*giải.*  + Nhà tôi có bố mẹ *già*  + Còn làm để nuôi con là *dành* dụm. |
| **4. Hoạt động ứng dụng:(2 phút)** | |
| *-*GV yêu cầu HS ghi và nêu ý thức trách nhiệm bản thân | HS nghe ghi 1-2 câu về trách nhiệm của bản thân đối với dất nước. |
| **5. Hoạt động sáng tạo**:(1 phút) | |
| - Tìm hiểu quy tắc viết r/d/gi. | - HS nghe và thực hiện |

***Khoa học***

**DUNG DỊCH**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT :**

**1. Kiến thức:** Nêu được một số ví dụ về dung dịch .

**2. Kĩ năng:** Biết tách các chất ra khỏi một số dung dịch bằng cách chưng cất.

**3. Phẩm chất:** chăm chỉ, trách nhiệm

**4. Năng lực:** Nhận thức thế giới tự nhiên, tìm tòi, khám phá thế giới tự nhiên,vận dụng kiến thức vào thực tiễn và ứng xử phù hợp với tự nhiên, con người.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :**

**1. Đồ dùng**

- Giáo viên:

+ Dụng cụ làm thí nghiệm.

+ Một ít đường (hoặc muối), nước số để nguộị một cốc (li) thủy tinh, thìa nhỏ cán dài.

- Học sinh: Sách giáo khoa, vở

**2. Phương pháp và kĩ thuật dạy học:**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thảo luận nhóm, thực hành, trò chơi học tập. Sử dụng phương pháp : BTNB trong HĐ: Tìm hiểu về dung dịch, cách tạo ra một dung dịch và cách cách tách các chất trong một dung dịch

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, động não,...

- Hình thức dạy học cả lớp, theo nhóm, cá nhân.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC**

| **Hoạt động của thầy** | | **Hoạt động của trò** |
| --- | --- | --- |
| **1. Hoạt động khởi động:(3 phút)** | | |
| - Cho HS tổ chức chơi trò chơi"Bắn tên" trả lời câu hỏi:  + Hỗn hợp là gì? Hãy nêu cách tách cát trắng ra khỏi hỗn hợp nước và cát trắng .  + Hỗn hợp là gì? Hãy nêu cách tách dầu ăn ra khỏi hỗn hợp dầu ăn và nước  + Hỗn hợp là gì? Hãy nêu cách tách gạo ra khỏi hỗn hợp gạo lẫn với sạn  - Giáo viên nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | - HS chơi trò chơi  - HS nghe  - HS ghi vở | |
| **2. Hoạt động thực hành:(30 phút)** | | |
| *Tìm hiểu về dung dịch, cách tạo ra một dung dịch và cách cách tách các chất trong một dung dịch.*  *\*Tiến trình đề xuất*  *1. Tình huống xuất phát và nêu vấn đề:*  *\* GV nêu tình huống:* Mỗi khi bị trầy xước ở tay, chân, ngoài việc dùng ô xi già để rửa vết thương, ta có thể rửa vết thương bằng cách nào?  - GV: Nước muối đó còn được gọi là dung dịch. Vậy em biết gì về dung dịch?  *2. Làm bộc lộ biểu tượng ban đầu của HS*  - GV yêu cầu HS ghi lại những hiểu biết ban đầu của mình vào vở ghi chép khoa học về dung dịch, sau đó thảo luận nhóm 4 để thống nhất ý kiến ghi vào bảng nhóm.  - GV yêu cầu HS trình bày quan điểm của các em về vấn đề trên.  ***3.*** *Đề xuất câu hỏi( dự đoán/ giả thiết) và phương án tìm tòi.*  - Từ những ý kiến ban đầu của của HS do nhóm đề xuất, GV tập hợp thành các nhóm biểu tượng ban đầu rồi hướng dẫn HS so sánh sự giống và khác nhau của các ý kiến ban đầu.  - Tổ chức cho HS đề xuất các câu hỏi liên quan đến nội dung kiến thức tìm hiểu về dung dịch, cách tạo ra dung dịch và cách tách các chất trong một dung dịch.    - GV tổng hợp, chỉnh sửa và nhóm các câu hỏi phù hợp với nội dung tìm hiểu về hỗn hợp và đặc điểm của nó và ghi lên bảng.  *+Dung dịch là gì?*  *+Làm thế nào để tạo ra được một dung dịch?*  *+Làm thế nào để tách các chất trong dung dịch?*  ***-*** GV tổ chức cho HS thảo luận, đề xuất phương án tìm tòi để trả lời các câu hỏi trên.  ***4.*** *Thực hiện phương án tìm tòi:*  - GV yêu cầu HS viết câu hỏi dự đoán vào vở Ghi chép khoa học trước khi làm thí nghiệm nghiên cứu.  \* Để trả lời câu hỏi 1 và 2 HS có thể tiến hành các thí nghiệm pha dung dịch đường hoặc dung dịch muối,…với tỉ lệ tùy ý.  \* Để trả lời câu hỏi 3 GV yêu cầu HS đề xuất các cách làm theo nhóm. Sau đó GV mời nhóm có thí nghiệm cho kết quả chưa chính xác lên làm trước lớp để các nhóm bạn nhận xét, sau đó mời nhóm có thí nghiệm cho kết quả thành công lên làm. Cuối cùng, các nhóm cùng tiến hành lại cách làm thành công của nhóm bạn.  \*Lưu ý: Trước, trong và sau khi làm thí nghiệm, GV yêu cầu HS điền các thông tin vào vở ghi chép khoa học.  *5.Kết luận, kiến thức:*  - Tổ chức cho các nhóm báo cáo kết quả sau khi làm thí nghiệm.  - GV hướng dẫn HS so sánh kết quả thí nghiệm với các suy nghĩ ban đầu của mình ở bước 2 để khắc sâu kiến thức.  \* Kết luận : | | - Dùng xà phòng, dùng nước muối  - HS ghi lại những hiểu biết ban đầu của mình vào vở ghi chép khoa học về dung dịch, sau đó thảo luận nhóm 4 để thống nhất ý kiến ghi vào bảng nhóm.  - Các nhóm đính bảng phụ lên bảng lớp và cử đại diện nhóm trình bày  - HS so sánh sự giống và khác nhau của các ý kiến.  -Ví dụ HS cụ thể nêu:  *+ Dung dịch có màu gì, vị gì?*  *+Dung dịch có tính chất gì?*  *+Dung dịch có mùi không?*  *+Dung dịch có hình dạng không?*  *+Dung dịch có từ đâu?*  *+Dung dịch có hòa tan trong nước không?*  *+Dung dịch có trong suốt hay không?*  *+ Nếu để trong không khí ẩm thì dung dịch sẽ như thế nào?*  *+Dung dịch làm từ gì?Dung dịch được hình thành như thế nào?*  *+Uống dung dịch vào thì sẽ như thế nào?*  *+Ta có thể tách các chất trong dung dịch được không?*  - HS theo dõi  - HS thảo luận  - HS viết câu hỏi; dự đoán vào vở   | Câu hỏi | Dự đoán | Cách tiến hành | Kết luận | | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |   - HS thực hành và hoàn thành 2 cột còn lại trong vở ghi chép khoa học sau khi làm thí nghiệm.  - HS các nhóm báo cáo kết quả:  - Hỗn hợp chất lỏng với chất rắn bị hòa tan và phân bố đều hoặc hỗn hợp chất lỏng với chất lỏng hòa tan vào nhau gọi là dung dịch.  - Cách tạo ra dung dịch: Phải có ít nhất hai chất trở lên, trong đó phải có một chất ở thể lỏng và chất kia phải hòa tan được vào trong chất lỏng đó.  - Cách tách các chất trong dung dịch: Bằng cách chưng cất. |
| **3.Hoạt động Vận dụng:(2 phút)** | | |
| - Để sản xuất ra nước cất dùng trong y tế người ta sử dụng phương pháp nào?  - Để sản xuất muối từ nước biển người ta đã làm cách nào? | | - Để sản xuất ra nước cất dùng trong y tế người ta sử dụng phương pháp chưng cất.  - Để sản xuất muối từ nước biển người ta dẫn nước biển vào các ruộng làm muối. Dưới ánh nắng mặt trời, nước sẽ bay hơi và còn lại muối. |
| **4. Hoạt động sáng tạo**:(1phút) | | |
| - Chia sẻ với mọi người cách tạo ra dung dịch và tách các chất ra khỏi dung dịch. | | - HS nghe và thực hiện |

***Thứ ba ngày 16 tháng 01 năm 2024***

***Toán***

**LUYỆN TẬP**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT :**

**1. Kiến thức:**

- Biết tính diện tích hình thang.

- HS làm bài 1, bài 3a

**2. Kĩ năng:** Rèn kĩ năng tính diện tích hình thang.

**3. Phẩm chất:** chăm chỉ, trách nhiệm.

**4. Năng lực:**

- Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :**

**1. Đồ dùng**

- Giáo viên: Sách giáo khoa, bảng phụ.

- Học sinh: Sách giáo khoa.

**2. Phương pháp và kĩ thuật dạy học:**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, trò chơi học tập.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, tia chớp, động não

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

| **Hoạt động của thầy** | | **Hoạt động của trò** |
| --- | --- | --- |
| **1. Hoạt động khởi động:(3 phút)** | | |
| - Cho HS thi đua:  + Nêu quy tắc tính diện tích hình thang  + Viết công thức tính diện tích  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | - HS thi đua nêu  - HS nghe  - HS ghi bảng | |
| **2. Hoạt động thực hành:(30 phút)** | | |
| **Bài 1: *HĐ Cá nhân***  - Yêu cầu HS đọc đề bài  - Nhận xét các đơn vị đo của các số đo.  - Hãy nhắc lại quy tắc tính diện tích hình thang  - Yêu cầu HS làm bài cá nhân  - GV nhận xét , kết luận  **Bài 3a: *HĐ nhóm***  - Yêu cầu HS đọc đề bài  - GV treo bảng phụ có hình vẽ kèm 2 nhận định  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm và làm bài  - Yêu cầu HS trình bày kết quả thảo luận. Giải thích.  - GV nhận xét chữa bài  **Bài 2(M3,4): *HĐ cá nhân***  - Cho HS làm bài cá nhân.  - GV hướng dẫn, sửa sai | | - Tính diện tích hình thang có độ dài 2 đáy lần lượt là a và b, chiều cao là h:  - Các số đo cùng đơn vị đo  S = (a + b) x h : 2  - HS làm vở sau đó chia sẻ  a) a =14cm; b = 6cm; h = 7cm.  b) a = m ; b = m ; h = m  c) a = 2,8m ; b = 1,8m; h = 0,5m    - HS đọc yêu cầu  - HS làm bài theo nhóm, chia sẻ kết quả  Chiều cao cũng chính là chiều rộng của HCN là:  AD = AM + MN = 3 + 3 = 6  S hình thang AMCD là:  (3 + 9) x 6 : 2 = 3 6 (cm2)  S hình thang MNCD là  (3 + 9) x 6 : 2 = 36 (cm2)  a) Vậy diện tích các hình thang AMCD, MNCD, NBCD bằng nhau (Đ)  Vì (3 hình thang đều có chung đáy lớn, chung đường cao, chung số đo đáy nhỏ bằng nhau) => S bằng nhau.  - HS làm bài, báo cáo giáo viên  Bài giải  *Độ dài đáy bé của thửa tuộng hình thang là:*  *120 x 2 : 3= 80(m)*  *Chiều cao của thửa tuộng hình thang là:*  *80 - 5 = 75(m)*  *Diện tích của thửa ruộng hình thang là:*  *(120 + 80) x 75 : 2 = 7500(m2)*  *Số thóc thu được trên thửa ruộng đó là:*  *7500 : 100 x 64,5 = 4837,5(kg)*  *Đáp số: 4837,5kg* |
| **3.Hoạt động Vận dụng:(2 phút)** | | |
| - Người ta còn nêu quy tắc tính diện tích hình thang bằng thơ lục bát, em có biết câu thơ đó không ? Hãy đọc cho cả lớp cùng nghe. | | - HS nêu:  *Muốn tính diện tích hình thang*  *Đáy lớn, đáy nhỏ ta mang cộng vào*  *Rồi đem nhân với chiều cao*  *Chia đôi lấy nửa thế nào cũng ra.* |
| **4. Hoạt động sáng tạo:** (1 phút) | | |
| - Về nhà dựa vào công thức tính diện tích hình thang tìm cách tính chiều cao của hình thang. | | - HS nghe và thực hiện |

***Luyện từ và câu***

**CÂU GHÉP**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT :**

**1. Kiến thức:**

- Nắm sơ lược khái niệm câu ghép là câu do nhiều vế câu ghép lại; mỗi vế câu ghép thường có cấu tạo giống một câu đơn và thể hiện một ý có quan hệ chặt chẽ với ý của những vế câu khác (ND ghi nhớ ) .

**2. Kĩ năng:**

- Nhận biết được câu ghép, xác định được các vế câu trong câu ghép (BT1, mục III); thêm được một vế câu vào chỗ trống để tạo thành câu ghép (BT3).

- HS( M3,4) thực hiện được yêu cầu của BT2 ( Trả lời câu hỏi, giải thích lí do).

**3. Phẩm chất:** chăm chỉ, trách nhiệm.

**4. Năng lực:**

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :**

**1. Đồ dùng**

- Giáo viên: Sách giáo khoa, bảng phụ.

- Học sinh: Vở viết, SGK

**2. Phương pháp và kĩ thuật dạy học:**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, trò chơi học tập.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, “động não”

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** |
| --- | --- |
| **1. Hoạt động khởi động:(3 phút)** | |
| - Cho HS hát  - Cho HS thi đặt câu theo các mẫu câu đã học nói về các bạn trong lớp.  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | - HS hát  - HS đặt câu  - Hs nghe  - HS ghi vở |
| **2.Hoạt động Khám phá:(15 phút)** | |
| **Bài 1: *HĐ* *cặp đôi***  - Gọi HS đọc yêu cầu  - Yêu cầu HS nêu thứ tự các câu trong đoạn văn.  - Cho HS thảo luận cặp đôi theo câu hỏi:  + Muốn tìm chủ ngữ trong câu ta đặt câu hỏi nào?  + Muốn tìm vị ngữ trong câu ta đặt câu hỏi nào?  - Yêu cầu HS làm bài tập vào vở  - Cho HS chia sẻ  - GV nhận xét kết luận  - Ở C1: em xác định chủ ngữ, vị ngữ bằng cách nào?  - Hỏi tương tự câu 2,3,4  **Bài 2: *HĐ Nhóm***  - Cho HS thảo luận nhóm 4 theo câu hỏi:  + Em có nhận xét gì về số vế câu của các câu ở đoạn văn trên?  + Thế nào là câu đơn? Thế nào là câu ghép?  + Vậy câu ghép là câu do nhiều cụm chủ ngữ, vị ngữ tạo thành.  - Yêu cầu HS xếp các câu thành 2 nhóm.  - Cho HS chia sẻ  - GV nhận xét , kết luận  **Bài 3:*Cá nhân***  - Yêu cầu HS đọc lại các câu ghép  - Yêu cầu HS tách mỗi vế câu ghép.  - Thế nào là câu ghép?  *\*Ghi nhớ*  - Gọi HS đọc ghi nhớ  - Yêu cầu lấy ví dụ minh hoạ. | - HS đọc  C1: Mỗi lần...... con chó to  C2: Hễ con chó....... giật giật  C3: Con chó..............phi ngựa  C4: Chó chạy..... ngúc nga ngúc ngắc  + Câu hỏi: Ai? Cái gì? Con gì?  + Câu hỏi: Làm gì? Thế nào?  - 2 HS ngồi cùng bàn trao đổi.  + Mỗi lần dời nhà đi, bao giờ con khỉ/ cũng nhảy phốc lên ngồi trên lưng con chó to.  + Hễ con chó/ đi chậm, con khỉ / cầm hai tai con chó giật giật.  + Con chó/ chạy sải thì khỉ/ gò lưng như người phi ngựa.  + Chó/ chạy thong thả, khỉ/ buông thõng hai tay, ngồi ngúc nga ngúc ngắc.  + Đặt câu hỏi : Con gì nhảy phốc lên ngồi trên lưng con chó to?  + Đặt câu hỏi: Con khỉ làm gì?  - HS thảo luận:  - Câu có 1 có 1 vế; câu 2, 3, 4 có 2 vế  - Câu đơn là câu do một cụm từ chủ ngữ, vị ngữ tạo thành.  - HS làm việc theo nhóm  - HS chia sẻ  - HS nghe và thực hiện  - HS đọc  - HS tách thì mỗi vế câu rời rạc  + Câu ghép là câu do nhiều vế câu ghép lại  + Mỗi vế câu ghép thường cấu tạo giống một câu đơn có đủ chủ ngữ, vị ngữ ý có quan hệ chặt chẽ với nhau  - HS đọc  *- Em đi học còn mẹ em đi làm.* |
| **3. HĐ thực hành: *(15 phút)*** | |
| **Bài 1: *HĐ* *Cá nhân***  - GV giao nhiệm vụ:  + Hãy đọc các câu ghép trong đoạn văn?  + Căn cứ vào đâu mà em xác định đó là những câu ghép?  + Yêu cầu xác định các vế câu trong từng câu?  - Cho HS chia sẻ kết quả  - GV nhận xét, kết luận | - HS đọc yêu cầu  - Căn cứ về số lượng vế câu trong câu.  - HS xác định |
| | STT | Vế 1 | Vế 2 |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Câu 1 | Trời / xanh thẳm  c  v | Biển / cũng thẳm xanh, như  c v  dâng cao lên, chắc nịch |  |  |  | | Câu 2 | Trời / rải mây trắng nhạt /  c v | Biển/ mơ màng dịu hơn sương  c v |  |  |  | | Câu 3 | Trời/ âm u mây mưa  C V | Biển/ xám xịt, nặng nề  C  V |  |  |  | | Câu 4 | Trời / ầm ầm dông gió  C V | Biển/ đục ngầu, giận giữ  C V |  |  |  | | Câu 5 | Biển / nhiều khi rất đẹp  C V | Ai / cũng thấy như thế  C V |  |  |  | | |
| **Bài 2: *HĐ cá nhân***  - Gọi HS đọc yêu cầu  - Yêu cầu HS nêu  - GV nhận xét, kết luận  **Bài 3: *HĐ cá nhân***  - Yêu cầu HS đọc đề  - Yêu cầu HS tự làm bài  - HS chia sẻ kết quả trước lớp  - Nhận xét bài làm của HS | - Có thể tách mỗi vế câu ghép thành một câu đơn có được không? Vì sao?  + Không thể tách mỗi vế câu ghép vừa tìm được thành 1 câu đơn.Vì mỗi vế câu có thể hiện một ý có quan hệ chặt chẽ với các vế câu khác  - HS đọc  - HS làm vở  - HS chia sẻ:  *a)Mùa xuân đã về, không khí ấm áp hẳn lên.*  *- Mùa xuân đã về, muôn hoa đua nở.*  *b) Mặt trời mọc, sương tan dần.*  *c) Trong truyện cổ tích …người anh lười biếng, tham lam.* |
| **4. Hoạt động Vận dụng:(3 phút)** | |
| - Xác định các vế câu trong câu ghép sau:  *Dừa mọc ven sông, dừa men bờ ruộng, dừa leo sườn núi.* | - HS nêu:  *Dừa mọc ven sông,/ dừa men bờ ruộng,/ dừa leo sườn núi./* |
| **5. Hoạt động sáng tạo:(**1 phút) | |
| - Đặt 1 câu ghép nói về một người bạn thân của em ? | - HS đặt câu:  + *Nhà bạn Lan rất nghèo nhưng bạn học rất giỏi.* |

*Kể chuyện*

CHIẾC ĐỒNG HỒ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT :

1.Kiến thức: Biết trao đổi về ý nghĩa của câu chuyện

2.Kĩ năng: Kể được từng đoạn và toàn bộ câu chuyện dựa vào tranh minh họa trong SGK; kể đúng và đầy đủ nội dung câu chuyện.

3.Phẩm chât: nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm

4. Năng lực:

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

\* Điều chỉnh theo CV 405: Qua lời kể của GV học sinh nghe ghi nội dung, ý nghĩa của câu chuyện.

II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :

1. Đồ dùng

- Giáo viên: SGK, bảng phụ,tranh minh họa.

- Học sinh: Sách giáo khoa,vở viết

2. Phương pháp và kĩ thuật dạy học:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thảo luận nhóm, thực hành.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, “động não”

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

| Hoạt động của thầy | | Hoạt động của trò |
| --- | --- | --- |
| 1. Hoạt động khởi động:(3 phút) | | |
| - Cho HS hát  - GV kiểm tra sự chuẩn bị của HS.  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | | - HS hát  - HS thực hiện.  - HS ghi vở |
| 2. HĐ Khám phá *(10 phút)* | | |
| *Giáo viên kể chuyện “Chiếc đồng hồ”*  - Giáo viên kể lần 1.  - Giáo viên kể lần 2 + Kết hợp tranh minh hoạ.  - Giáo viên kể lần 3 (nếu cần)  + Giáo viên giải nghĩa từ: Tiếp quản, đồng hồ quả quýt. | | - Học sinh nghe.  - Học sinh nghe.  + Tiếp quản: thu nhận và quản lí những thứ đối phương giao lại.  + Đồng hồ quả quýt: đồng hồ bỏ túi nhỏ, hình tròn, to hơn đồng hồ bình thường. |
| *3*. Hoạt động thực hành (15 phút) | | |
| *Hướng dẫn học sinh kể chuyện.*  *a) Kể theo cặp.*  - Yêu cầu HS nêu nội dung chính của từng tranh.  - Yêu cầu từng HS kể từng đoạn trong nhóm theo tranh.  *b) Thi kể trước lớp.*  - Học sinh thi kể từng đoạn trước lớp  - Kể toàn bộ câu chuyện  - Yêu cầu HS nhận xét, tìm ra bạn kể hay nhất, hiểu câu chuyện nhất. | | - HS nêu  - HS kể theo cặp  - 4 HS tiếp nối nhau kể từng đoạn  - 1 đến 2 học sinh kể toàn bộ câu chuyện.  - HS nhận xét |
| HĐ tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện: *(7 phút)* | | |
| - Cho HS trao đổi với nhau để tìm ý nghĩa của câu chuyện.  - Cho HS chia sẻ trước lớp  - GV nhận xét, kết luận | - HS trao đổi cặp đôi tìm ý nghĩa câu chuyện.  - HS nghe ghi ý nghĩa câu chuyện chia sẻ trước lớp  *- Ý nghĩa: Qua câu chuyện Chiếc đồng hồ, Bác Hồ muốn khuyên cán bộ: Nhiệm vụ nào của cách mạng cũng cần thiết, quan trọng, do đó cần làm tốt việc được phân công, không nên suy bì, chỉ nghĩ đến việc riêng của mình.* | |
| 4. Hoạt động Vận dụng:(2 phút) |  | |
| - GDHS: Trong xã hội mỗi người 1 công việc, cần làm tốt công việc phân công, không phân bì, không chỉ nghĩ cho riêng mình. | - HS nghe | |
| 5. Hoạt động sáng tạo:(1 phút) | | |
| - GV nhận xét tiết học.  - HS về kể lại câu chuyện cho mọi người trong gia đình cùng nghe. | - HS nghe  - HS nghe và thực hiện. | |

***Đạo đức***

**EM YÊU QUÊ HƯƠNG (Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT :**

**1.Kiến thức:** Biết làm những việc phù hợp với khả năng để góp phần tham gia xây dựng quê hương. Yêu mến tự, hào về quê hương mình, mong muốn được góp phần xây dựng quê hương. Biết được vì sao cần phải yêu quê hương và tham gia góp phần xây dựng quê hương.

**2. Kĩ năng:** Làm những việc phù hợp với khả năng để góp phần tham gia xây dựng quê hương.

**3.Phẩm chất:** yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm.

**\* GDKNS:**  Kĩ năng xác định giá trị; kĩ năng tư duy phê phán; kĩ năng tìm kiếm và xử lí thông tin về truyền thống văn hóa, truyền thống cách mạng, danh lam thắng cảnh, con người của quê hương; kĩ năng trình bày những hiểu biết của bản thân về quê hương.

**4. Năng lực:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực thẩm mĩ, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :**

**1. Đồ dùng**

- SGK.

- Phiếu học tập cá nhân

2. **Phương pháp và kĩ thuật dạy học:**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thảo luận nhóm, thực hành, trò chơi học tập.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, động não,..

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

| **Hoạt động của thầy** | | **Hoạt động của trò** |
| --- | --- | --- |
| **1. Hoạt động khởi động:(3 phút)** | | |
| - Cho HS hát bài*"Quê hương tươi đẹp"*  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | - HS hát  - HS ghi vở | |
| **2. Hoạt động Khám phá:(30 phút)** | | |
| **Hoạt động 1:**  Tìm hiểu truyện Cây đa làng em, sgk.  - GV kể chuyện.  - YC HS thảo luận theo nhóm 4.  +Cây đa mang lại lợi ích gì cho dân làng?  +Tại sao bạn Hà góp tiền để cứu cây đa?  +Trẻ em có quyền tham gia vào những công việc xây dựng quê hương không?  +Noi theo bạn Ha, chúng ta cần làm gì cho quê hương ?  + Quê hương em ở đâu?  + Có điều gì khiến em luôn nhớ về quê hương?  + Nêu một số biểu hiện tình yêu quê hương?  - Gv kết luận  **Hoạt động 2:** Thảo luận, xử lí tình huống(bt1, sgk)  - Phân nhóm, y/c HS thảo luận xủ lý tình huống  - Gọi nhóm trình bày  - Nhận xét, chốt lại lời giải đúng:  A, b, c, d, e – là thể hiện tình yêu quê hương.  Gv nhận xét chung | | - HS nghe.  - Hs đọc thầm, thảo luận nhóm  - Cây đa mang lại bóng mát, vẻ đẹp cho làng , đã gắn bó với dân làng qua nhiều thế hệ. Cây đa là một trong những di sản của làng. Dân làng rất quí trọng cây đa cổ thụ nên gọi là “ông đa”.  - Cây đa bị mối, mục nên cần được cứu chữa. Hà cũng yêu quí cây đa nên góp tiền để cứu cây đa quê hương.  - Chúng ta cần yêu quê hương mình và cần có những việc làm thiết thực để góp phần xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp.  - Tham gia xây dựng quê hương là quyền và nghĩa vụ của mỗi người dân, mỗi trẻ em.  - Mời đại diện một số nhóm trình bày.  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - HS trả lời  - Hs nhắc lại bài học  - HS thảo luận, trình bày |
| **3.Hoạt động Vận dụng:(2 phút)** | | |
| - Các nhóm HS chuẩn bị các bài thơ, bài hát,... nói về tình yêu quê hương. | | - HS nghe và thực hiện |
| **4. Hoạt động sáng tạo:** (1 phút) | | |
| - Mỗi HS vẽ một bức tranh nói về việc làm mà em mong muốn thực hiện cho quê hương hoặc sưu tầm tranh, ảnh về quê hương mình. | | - HS nghe và thực hiện |

**Thứ tư ngày 17 tháng 01 năm 2024**

***Toán***

**LUYỆN TẬP CHUNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT :**

**1. Kiến thức:** Biết :

- Tính diện tích hình tam giác vuông, hình thang.

- Giải toán liên quan đến diện tích và tỉ số phần trăm.

- HS làm bài 1, bài 2.

**2. Kĩ năng:** Rèn kĩ năng giải bài toán về tính diện tích và tỉ số phần trăm.

**3. Phẩm chất**: chăm chỉ, trách nhiệm.

**4. Năng lực:**

- Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :**

**1. Đồ dùng dạy học:**

- Giáo viên: Sách giáo khoa

- Học sinh: Sách giáo khoa, vở

**2. Phương pháp và kĩ thuật dạy học:**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, trò chơi học tập.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, tia chớp, động não

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

| **Hoạt động của thầy** | | **Hoạt động của trò** |
| --- | --- | --- |
| **1. Hoạt động khởi động:(5phút)** | | |
| - Cho HS chơi trò chơi "Hộp quà bí mật"  - Cách chơi: Chuẩn bị một chiếc hộp nhỏ, một số câu hỏi có nội dung về tính diện tích hình tam giác, hình thang cũng như bài boán về tỉ số phần trăm. Cho HS chuyền tay nhau và hát. Khi có tín hiệu của quản trò, chiếc hộ dừng lại trên tay ai thì người đó phải bốc thăm phiếu và trả lời câu hỏi ghi trong phiếu đó, cứ như vậy chiếc hộp lại được chuyển tiếp đến người khác cho đến khi quản trò cho dừng cuộc chơi thì thôi,  - GV nhận xét, tuyên dương.  - Giới thiệu bài, ghi bảng. | - HS chơi trò chơi  - HS nghe  - HS ghi vở | |
| **2. Hoạt động thực hành:(28 phút)** | | |
| **Bài 1: *HĐ cá nhân***  - Gọi HS đọc yêu cầu  - Yêu cầu HS nêu lại cách tính diện tích hình tam giác  - Yêu cầu HS làm bài cá nhân  - Cho HS chia sẻ kết quả  - Giáo viên nhận xét , kết luận  **Bài 2: *HĐ cá nhân***  - HS đọc yêu cầu  - Yêu cầu HS nêu lại cách tính diện tích hình thang  - Yêu cầu HS làm bài cá nhân  - GV quan sát, giúp đỡ HS nếu cần thiết | | - HS đọc  - Học sinh nêu cách tính diện tích hình tam giác.  - Cả lớp làm vở.  - HS chia sẻ  a) 3 cm và 4 cm: S = = 6 (cm2)  b) 2,5 m và 1,6 m: S =  = 2 (cm2)  c) dm và dm: S = ( x ): 2 =  (dm2)  - HS đọc  - Học sinh nêu lại cách tính diện tích hình thang.  - Cả lớp làm vở  Giải  *Diện tích hình thang ABCD là:*  *( 1,6 + 2,5) x 1,2 :2 = 2,46 (dm2)*  *Diện tích hình tam giác BEC là:*  *1,3 x 1,2 : 2 = 0,78 (dm2)*  *Diện tích hình thang ABCD hơn diện tích hình tam giác BEC là:*  *2,46 – 0,78 = 1,68 dm2*  *Đáp số: 1,68 dm2* |
| **3.Hoạt động Vận dụng:**(2 phút) | | |
| - Tính diện tích hình tam giác vuông có độ dài hai cạnh góc vuông là 1,25m và 0,48m. | | - HS tính:  S = 1,25 x 0,48 : 2 = 0,3(m2) |
| **4. Hoạt động sáng tạo:(**1 phút) | | |
| - Về nhà vận dụng cách tính diện tích hình tam giác và hình thang vào thực tế. | | - HS nghe và thực hiện |

*Tập đọc*

NGƯỜI CÔNG DÂN SỐ MỘT (Tiết 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT :

1. Kiến thức: Hiểu nội dung, ý nghĩa: Qua việc Nguyễn Tất Thành quyết tâm đi tìm đường cứu nước, cứu dân, tác giả ca ngợi lòng yêu nước, tầm nhìn xa và quyết tâm cứu nước của người thanh niên Nguyễn Tất Thành. Trả lời được các câu hỏi 1, 2 và câu hỏi 3( không yêu cầu giải thích lí do).

2. Kĩ năng:

- Biết đọc đúng một văn bản kịch, phân biệt được lời các nhân vật, lời tác giả.

- HS (M3,4) biết đọc phân vai, diễn cảm đoạn kịch, giọng đọc thể hiện được tính cách của từng nhân vật( câu hỏi 4).

3. Phẩm chất: yêu nước, chăm chỉ, trách nhiệm.

4. Năng lực:

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

\* Điều chỉnh theo CV 405: GV bình giảng HS nghe ghi nội dung bài.

II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :

1. Đồ dùng

- Giáo viên: + Tranh minh hoạ bài trong SGK

+ Bảng phụ ghi sẵn đoạn văn cần luyện đọc

- Học sinh: Sách giáo khoa

2. Phương pháp và kĩ thuật dạy học:

- Phương pháp vấn đáp, động não, thực hành, thảo luận nhóm.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, kĩ thuật trình bày một phút, động não.

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
| --- | --- |
| 1. Hoạt động khởi động:(5 phút) | |
| - Cho HS thi đọc diễn cảm đoạn kịch phần 1.  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | - HS đọc  - HS nghe  - HS ghi vở |
| 2. Hoạt động Khám phá: (10 phút) | |
| - Cho 1 HS đọc toàn bài  - Cho HS đọc thầm chia đoạn  - Đọc nối tiếp từng đoạn lần 1, 2  - Luyện đọc theo cặp.  - Học sinh đọc toàn bộ đoạn kịch.  - GV đọc mẫu | - Cả lớp theo dõi  - HS đọc thầm chia đoạn  + Đoạn 1: *Từ đầu → sóng nữa.*  + Đoạn 2: Phần còn lại.  - Nhóm trưởng điều khiển nhóm đọc  + HS đọc nối tiếp lần 1 kết hợp luyện đọc từ khó: *La- tút- sơTơ- rê- vin, A- lê- hấp.*  + HS đọc nối tiếp lần 2 kết hợp giải nghĩa từ, luyện đọc câu khó.  - Học sinh luyện đọc theo cặp.  - 1 học sinh đọc toàn bộ đoạn kịch.  - HS theo dõi |
| 3. Hoạt động Thực hành: (8 phút) | |
| - Cho HS thảo luận nhóm trả lời câu hỏi:  1. Anh Lê, anh Thành đều là thanh niên yêu nước, nhưng giữa họ có gì khác nhau?  2. Quyết tâm của anh Thành đi tìm con đường cứu nước được thể hiện qua những lời nói, cử chỉ nào?  3. “Người công dân số một” trong đoạn kịch là ai? Vì sao có thể gọi như vậy?  - Cho đại diện các nhóm báo cáo  - GV nhận xét, kết luận | - Các nhóm thảo luận trả lời câu hỏi, chia sẻ kết quả  + Anh Lê: có tâm lí tự ti, cam chịu cảnh sống nô lệ vì cảm thấy mình yếu đuối, nhỏ bé trước sức mạnh vật chất của kẻ xâm lược.  + Anh Thành: không cam chịu, ngược lại, rất tin tưởng ở con đường mình đã chọn: ra nước ngoài học cái mới để về cứu dân cứu nước.  + Lời nói: Để giành lại non sông, chỉ có hùng tâm tráng khí chưa đủ, phải có trí, có lực, ..  + Cử chỉ: xoè 2 bàn tay ra “Tiền đây chứ đâu?”  + Lời nói: làm thân nô lệ .  - Các nhóm báo cáo  -HS nghe ghi nội dung bài  *Người công dân số một ở đây là Nguyễn Tất Thành, sau này là chủ tịch Hồ Chí Minh. Có thể gọi Nguyễn Tất Thành là “Người công dân số Một” vì ý thức là công dân của một nước Việt Nam độc lập được thức tỉnh rất sớm ở Người. Nguyễn Tất Thành đã ra nước ngoài tìm con đường cứu nước, lãnh đạo nhân dân giành độc lập.* |
| Luyện đọc diễn cảm:(8 phút) | |
| - Giáo viên hướng dẫn các em đọc đúng lời các nhân vật.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh đọc diễn cảm 1 đoạn kịch tiêu biểu theo cách phân vai. | - 4 học sinh đọc diễn cảm 4 đoạn kịch theo phân vai.  - Từng tốp 4 học sinh phân vai luyện đọc.  - Một vài tốp học sinh thi đọc diễn cảm. |
| 4. Hoạt động ứng dụng: (2phút) | |
| - Qua vở kịch này, tác giả muốn nói điều gì ? | - Tác giả ca ngợi lòng yêu nước, tầm nhìn xa và quyết tâm cứu nước của người thanh niên Nguyễn Tất Thành. |
| 5. Hoạt động sáng tạo:(1phút) | |
| - Em học tập được đức tính gì của Bác Hồ ? | - Yêu nước, thương dân,quyết tâm thực hiện mục tiêu của mình,... |

***Lịch sử***

**CHIẾN THẮNG LỊCH SỬ ĐIỆN BIÊN PHỦ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT :**

**1.Kiến thức:** Trình bày sơ lược ý nghĩa của chiến thắng Điện Biên Phủ : là mốc son chói lọi, góp phần kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

**2. Kĩ năng**: Không yêu cầu tường thuật, chỉ kể lại một số sự kiện về chiến dịch Điện Biên Phủ:

+ Chiến dịch diễn ra trong ba đợt tấn công; đợt ba: ta tấn công và tiêu diệt cứ điểm đồi A1 và khu trung tâm chỉ huy của địch.

+ Ngày 7-5-1954, Bộ chỉ huy tập đoàn cứ điểm ra hàng, chiến dịch kết thúc thắng lợi.

**3.Phẩm chất:** Biết tinh thần chiến đấu anh dũng của bộ đội ta trong chiến dịch: tiêu biểu là anh hùng Phan Đình Giót lấy thân mình lấp lỗ châu mai.

**4. Năng lực:**

- Năng lực tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sán g tạo.

- Năng lực hiểu biết cơ bản về Lịch sử, năng lực tìm tòi và khám phá Lịch sử, năng lực vận dụng kiến thức Lịch sử vào thực tiễn

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :**

**1. Đồ dùng**

- GV:Sưu tầm các tranh ảnh, tư liệu về chiến thắng lịch sử ĐBP

- HS: SGK,vở

**2. Dự kiến phương pháp và kĩ thuật dạy học**

- Kĩ thuật đặt và trả lời câu hỏi.

- Kĩ thuật trình bày một phút

- Vấn đáp , quan sát,thảo luận nhóm....

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC**

| **Hoạt động của thầy** | | **Hoạt động của trò** |
| --- | --- | --- |
| **1. Hoạt động khởi động:(5phút)** | | |
| - Cho HS hát  - Gọi HS trả lời câu hỏi:  Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng đã đề ra nhiệm vụ gì cho CMVN?  - GV nhận xét.  - Giới thiệu bài - Ghi vở | - HS hát  - HS trả lời  - HS nghe  - HS ghi vở | |
| **2. Hoạt động Khám phá:(28phút)** | | |
| ***Hoạt động 1:*** *Tập đoàn Điện Biên Phủ và âm mưu của giặc Pháp*  - Yêu cầu HS đọc SGK  - GV treo bản đồ hành chính VN yêu cầu HS lên bảng chỉ vị trí của ĐBP.  - Vì sao Pháp lại xây dựng ĐBP thành pháo đài vững chắc nhất Đông Dương?  ***Hoạt động 2:*** *Chiến dịch ĐBP*  - GV chia lớp thành 9 nhóm thảo luận theo các câu hỏi:  + Vì sao ta quyết định mở chiến dịch ĐBP?  + Quân và dân ta đã chuẩn bị cho chiến dịch như thế nào?  + Ta mở chiến dịch ĐBP gồm mấy đợt tấn công? Thuật lại từng đợt tấn công đó?  + Vì sao ta giành được thắng lợi trong chiến dịch ĐBP ?thắng lợi đó có ý nghĩa như thế nào với lịch sử dân tộc ta ?  + Kể về một số gương chiến đấu tiêu biểu trong chiến dịch ĐBP?  - Đại diện từng nhóm trình bày kết quả thảo luận.  - GV nhận xét kết quả làm việc theo nhóm của HS.  - Kết luận kiến thức  ***Hoạt động 3:*** *Ý nghĩa*  - Em hãy nêu ý nghĩa của chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ?  => Rút bài học. | | - HS đọc SGK và đọc chú thích.  - HS quan sát theo dõi.  - HS nêu ý kiến trước lớp  - HS thảo luận 4 nhóm  - Mùa đông 1953 tại chiến khu VB, trung ương Đảng và Bác Hồ đã họp và nêu quyết tâm giành thắng lợi trong chiến dịch ĐBP để kết thúc cuộc kháng chiến.  - Ta đã chuẩn bị cho chiến dịch với tinh thần cao nhất: Nửa triệu chiến sĩ từ các mặt trận hành quân về ĐBP. Hàng vạn tấn vũ khí được vận chuyển vào trận địa.  - Trong chiến dịch ĐBP ta mở 3 đợt tấn công  + Đợt 1: mở vào ngày 13-3- 1954…  + Đợt 2: vào ngày 30- 3- 1954…  + Đợt 3: Bắt đầu vào ngày 1- 5- 1954…  - Ta giành chiến thắng trong chiến dịch ĐBP vì:  + Có đường lối lãnh đạo đúng đắn của Đảng  + Quân và dân ta có tinh thần chiến đấu bất khuất kiên cường  + Kể về các nhân vật tiêu biểu như Phan Đình Giót lấy thân mình lấp lỗ châu mai, Tô Vĩnh Diện lấy thân mình chèn pháo...  - Đại diện nhóm trình bày.  - HS đọc ghi nhớ bài SGK/39  + Chiến thắng Điện Biên Phủ là mốc son chói lọi, góp phần kết thúc thắng lợi chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. |
| **3.Hoạt động vận dụng:(2 phút)** | | |
| - Cho 2hs nhắc lại nội dung bài học.  - Em hãy nêu những tấm gương dũng cảm trong chiến dịch ĐBP mà em biết? | | - HS nêu lại nội dung bài học- HS nêu: Tô Vĩnh Diện, Bế Văn Đàn, Phan Đình Giót,... |
| **4. Hoạt động sáng tạo:(**1 phút) | | |
| - Kể lại trận chiến lịch sử Điện Biên Phủ cho người thân nghe. | | - HS nghe và thực hiện. |

**Thứ năm ngày 18 tháng 01 năm 2024**

***Toán***

**HÌNH TRÒN. ĐƯỜNG TRÒN**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT :**

**1. Kiến thức:**

- Nhận biết được về hình tròn, đường tròn và các yếu tố của hình tròn.

- Biết sử dụng compa để vẽ hình tròn.

- HS làm bài 1, bài 2.

**2. Kĩ năng**: Rèn kĩ năng sử dụng compa để vẽ hình tròn.

**3. Phẩm chất:** chăm chỉ, trách nhiệm

**4. Năng lực:**

- Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :**

**1. Đồ dùng**

-GV: Compa dùng cho GV

- HS: Compa dùng cho HS, thước kẻ.

**2. Phương pháp và kĩ thuật dạy học**

- Vấn đáp , quan sát, thảo luận nhóm, thực hành…

- Kĩ thuật đặt và trả lời câu hỏi.

- Kĩ thuật trình bày một phút. kĩ thuật động não...

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** |
| --- | --- |
| **1. Hoạt động khởi động:(5 phút)** | |
| - Cho HS hát  - Gọi 2 HS lên bảng viết công thức tính diện tích hình tam giác và hình thang.  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi vở | - HS hát  - HS viết  - HS nghe  - HS ghi vở |
| **2.Hoạt động Khám phá:(15 phút)** | |
| *\*Nhận biết hình tròn và đường tròn*  - GV đưa cho HS xem các mảnh bìa đã chuẩn bị và khẳng định: Đây là hình tròn.  - Người ta thường dùng dụng cụ gì để vẽ hình tròn ?  - GV kiểm tra sự chuẩn bị com- pa của HS, sau đó yêu cầu các em sử dụng com-pa để vẽ hình tròn tâm O vào giấy nháp.  - GV vẽ hình tròn trên bảng lớp.  - Đọc tên hình vừa vẽ được.  - GV chỉ vào hình tròn của mình trên bảng và hình tròn HS vẽ trên giấy và nêu kết luận 1 của bài : *Đầu chì của com pa vạch trên tờ giấy một đường tròn.*  - GV có thể hỏi lại HS : Đường tròn là gì ?  *\*Giới thiệu đặc điểm bán kính, đường kính của hình tròn.*  - GV yêu cầu HS vẽ bán kính OA của hình tròn tâm O.  - GV yêu cầu HS nêu cách vẽ, sau đó nhận xét chỉnh sửa lại cho chính xác:  + Chấm 1 điểm A trên đường tròn.  + Nối O với A ta được bán kính OA.  - GV yêu cầu HS cả lớp vẽ bán kính OB, OC của hình tròn tâm O.  - GV nhận xét hình của HS, sau đó yêu cầu HS so sánh độ dài của bán kính OA, OB, OC của hình tròn tâm O.  - GV kết luận.  + *Nối tâm O với 1 điểm A trên đường tròn. Đoạn thẳng OA là bán kính của hình tròn.*  *+ Tất cả các bán kính của hình tròn đều bằng nhau : OA = OB = OC.*  - GV yêu cầu HS vẽ đường kính MN của hình tròn tâm O ?  - GV cho HS nêu cách vẽ đường kính MN, sau đó chỉnh lại cho chính xác.    - GV yêu cầu HS so sánh độ dài của đường kính MN với các bán kính đã vẽ của hình tròn tâm O.  - GV kết luận :  - GV yêu cầu HS quan sát hình vẽ đã vẽ trong bài học và nêu rõ tâm, các bán kính, đường kính của hình tròn. | - HS quan sát và nêu câu trả lời.  - Người ta dùng com-pa để vẽ hình tròn.  - HS dùng com pa để vẽ hình tròn sau đó chấm điểm O.  - HS : Hình tròn tâm O.  -1 HS lên bảng vẽ, HS cả lớp vẽ vào giấy nháp.  - HS nêu lại cách vẽ  - 1 HS lên bảng vẽ, cả lớp vẽ vào giấy nháp.  - HS dùng thước thẳng kiểm tra độ dài của bán kính và nêu kết quả kiểm tra trước lớp.  - 1 HS lên bảng vẽ hình, HS dưới lớp vẽ vào giấy nháp.  - HS vừa vẽ hình trên bảng nêu, sau đó HS khác nhận xét bổ sung và thống nhất cách vẽ.  - HS so sánh và nêu: đường kính gấp hai lần bán kính.  *+ Đoạn thẳng MN nối hai điểm M, N của đường tròn và đi qua tâm O là đường kính của hình tròn.*  *+ Trong một hình tròn đường kính gấp hai lần bán kính.*  - HS nêu :  + Hình tròn tâm O.  + Các bán kính đã vẽ là OA, OB, OC (OM, ON) Đường kính MN |
| **3. HĐ thực hành: *(15 phút)*** | |
| **Bài 1: *HĐ cá nhân***  - Gọi một HS đọc yêu cầu của bài  - Yêu cầu HS làm bài  - GV nhận xét chữa bài:  + Yêu cầu HS xác định khẩu độ compa ở ý (a)? Vẽ chính xác  + Khẩu độ compa ở ý (b) là bao nhiêu?  + Tại sao không phải là 5cm?  - GV theo dõi một số HS chưa cẩn thận để yêu cầu vẽ đúng số đo .  - Nhận xét, kiểm tra bài của HS  - Khi vẽ hình tròn với kích thước cho sẵn, ta phải lưu ý điều gì ?  - Yêu cầu HS nêu lại cách vẽ hình tròn khi biết bán kính  **Bài 2: *HĐ cá nhân***  - Gọi HS đọc đề bài  - Yêu cầu HS xác định đúng yêu cầu của các hình cần vẽ  - Vẽ hình tròn khi đã biễt tâm cần lưu ý điều gì?  - Khẩu độ compa bằng bao nhiêu ?  - Yêu cầu HS làm vào vở.  - Nhận xét một số bài của HS. | - HS làm bài vào vở  + 3cm  + 2,5cm (đường kính chia 2)  +Vì khẩu độ compa là bán kính hình tròn, đề bài cho đường kính bằng 5 cm. Vậy bán kính là 2,5cm.  - Phải xem đề bài cho kích thước là bán kính hay đường kính.  - HS nêu lại 4 thao tác như trên  - Cho đoạn thẳng AB = 4cm. Hãy vẽ hình tròn tâm A và tâm B đều có bán kính là 2 cm  - Tâm A bán kính 2cm và tâm B bán kính 2cm  - Đặt mũi nhọn compa đúng vị trí tâm .  - 2cm |
| **4. Hoạt động Vận dụng:(2 phút)** | |
| - Vẽ hình tròn có đường kính là 7cm | - HS thực hiện |
| **5. Hoạt động sáng tạo:(** 1 phút) | |
| - Về nhà dùng compa để vẽ các hình tròn với các kích cỡ khác nhau rồi tô màu theo sở thích vào mỗi hình. | - HS nghe và thực hiện |

***Tập làm văn***

**LUYỆN TẬP TẢ NGƯỜI**

***(Dựng đoạn mở bài)***

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT :**

**1. Kiến thức:**

- Nhận biết được hai kiểu mờ bài (trực tiếp và gián tiếp )trong bài văn tả người(BT1)

- Viết được đoạn mở bài theo kiểu trực tiếp cho 2 trong 4 đề của BT2 .

**2. Kĩ năng:** Rèn kĩ năng viết đoạn mở bài trong bài văn tả người.

**3. Phẩm chất:** nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm.

**4. Năng lực:**

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ ghi sẵn hai kiểu mở bài.

- HS : SGK, vở viết

**2.Phương pháp và kĩ thuật dạy học**

- Kĩ thuật đặt và trả lời câu hỏi.

- Kĩ thuật trình bày một phút

- Vấn đáp , quan sát, thảo luận , nhóm...

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC**

| **Hoạt động của thầy** | | **Hoạt động của trò** |
| --- | --- | --- |
| **1. Hoạt động khởi động:(5phút)** | | |
| - Cho HS hát  + Một bài văn tả người gồm mấy phần?  Đó là những phần nào ?  - GV nhận xét.  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | - HS hát  - Gồm 3 phần: MB, TB, KL  - HS nghe  - HS ghi vở | |
| **2. Hoạt động thực hành:(28 phút)** | | |
| **Bài 1: *HĐ Cá nhân***  - Cho HS đọc yêu cầu của BT1 + đọc đoạn a+b  + Các em đọc kỹ đoạn a, b  + Nêu rõ cách mở bài ở 2 đoạn có gì khác nhau?  - Cho HS làm bài.  - Cho HS chia sẻ  - GV nhận xét + chốt lại kết quả đúng.  **Bài 2: *HĐ cá nhân***  - Cho HS đọc yêu cầu và 4 đề a, b, c, d  - GV giao việc:  + Mỗi em chọn 1 trong 4 đề.  + Viết một đoạn mở bài theo kiểu trực tiếp hoặc gián tiếp.  - Cho HS làm bài  - Cho HS trình bày (yêu cầu HS nói rõ chọn đề nào? Viết mở bài theo kiểu nào?)  - GV và HS nhận xét chữa bài  - Yêu cầu HS dưới lớp đọc bài  - GV nhận xét, khen những HS mở bài đúng theo cách mình đã chọn và hay. | | - 1 HS đọc to. Cả lớp lắng nghe  - Ở đoạn a là mở bài cho bài văn tả người, người định tả là người bà trong gia đình. Người định tả được giới thiệu trực tiếp - là mở bài trực tiếp  - Ở đoạn b người được tả không được giới thiệu trực tiếp, bác xuất hiện sau hàng loạt sự việc- là cách mở bài gián tiếp.  + Đoạn mở bài a: Mở theo cách trực tiếp:  Giới thiệu trực tiếp người định tả. Đó là người bà trong gia đình.  + Đoạn mở bài b: Mở bài theo kiểu gián tiếp: Giới thiệu hoàn cảnh sau đó mới giới thiệu người định tả. Đó là bác nông dân đang cày ruộng.  - 4 HS tiếp nối nhau đọc  - 3 HS làm bài tập vào bảng nhóm, cả lớp làm vở bài tập.  - HS làm bài vào bảng nhóm gắn bài lên bảng lớp đọc bài.  - Một số HS đọc đoạn mở bài |
| **3.Hoạt động Vận dụng:(2 phút)** | | |
| - Em nhận thấy kiểu mở bài nào dễ hơn?  - Em nhận thấy kiểu mở bài nào hay hơn? | | - HS nêu: Mở bài trực tiếp  - MB gián tiếp |
| **4. Hoạt động sáng tạo:(**1phút) | | |
| - Về nhà viết mở bài theo cách trực tiếp và gián tiếp tả người bạn thân của em. | | - HS nghe và thực hiện |

***Luyện từ và câu***

**CÁCH NỐI CÁC VẾ CÂU GHÉP**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT :**

**1. Kiến thức:** Nắm được cách nối các vế câu ghép bằng các quan hệ từ và nối các vế câu ghép không dùng từ nối ( ND ghi nhớ).

**2. Kĩ năng:** Nhận biết được câu ghép trong đoạn văn ( BT1, mục III); viết được đoạn văn theo yêu cầu của BT2.

**3. Phẩm chất:** chăm chỉ, trách nhiệm.

**4. Năng lực:**

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :**

**1. Đồ dùng**

- Giáo viên: Sách giáo khoa, bảng phụ, Từ điển Tiếng Việt

- Học sinh: Vở viết, SGK

**2. Phương pháp và kĩ thuật dạy học:**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, trò chơi học tập.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, “động não”

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** |
| --- | --- |
| **1. Hoạt động khởi động:(3 phút)** | |
| - Cho HS thi đua*: Nhắc lại ghi nhớ về câu ghép.*  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài- Ghi bảng | - HS nêu  - HS nghe  - HS ghi vở |
| **2.Hoạt động Khám phá:(15 phút)** | |
| *1. Nhận xét*  **Bài 1, 2: *HĐ Nhóm***  - Gọi 1 HS đọc đề bài tập số1, xác định yêu cầu của bài?  - Yêu cầu HS làm bài theo nhóm  - Đại diện nhóm nêu kết quả  - GV kết luận  *2. Ghi nhớ:* SGK | + Tìm các vế trong câu ghép .  + HS làm vào sách bằng bút chì  *a) Súng kíp của ta mới bắn một phát/* ***thì*** *súng của họ đã bắn được năm, sáu mươi phát.*  *Quân ta lạy súng thần công bốn lạy rồi mới bắn****,****/ trong khi ấy đại bác của họ đã bắn được hai mươi viên.*  *+... nối bằng từ thì hoặc dấu phẩy, dấu hai chấm, dấu chấm phẩy.*  b*) Cảnh vật xung quanh tôi đang có sự thay đổi: hôm nay tôi đi học.*  *c) Kia là những mái nhà đứng sau luỹ tre; đây là mái đình cong cong; kia nữa là sân phơi*  - Nhiều HS nhắc lại ghi nhớ SGK. |
| **3. HĐ thực hành: *(15 phút)*** | |
| **Bài 1: *HĐ nhóm***  - Gọi 1 HS đọc yêu cầu bài tập số1  - GV treo bảng phụ  - Tổ chức hoạt động nhóm  - Gọi đại diện nhóm chia sẻ kết quả  - GV nhận xét, chữa bài  **Bài 2: HĐ cá nhân**  - Yêu cầu HS đọc đề bài  - Bài có mấy yêu cầu?  - HS làm việc cá nhân.  - Gọi HS chia sẻ.  - GV nhận xét chữa bài | - HS nêu yêu cầu  - HS quan sát  - HS trao đổi trong nhóm và làm bài  + Đoạn a có 1 câu ghép, với 4 vế câu  + Đoạn b có 1 câu ghép, với 3 vế câu  + Đoạn c có 1 câu ghép, với 3 vế câu  Các quan hệ từ : *thì , rồi*  - HS đọc  - 2 Yêu cầu  + Viết đoạn văn ... có câu ghép  + Chỉ ra cách nối các vế câu  VD: *Bạn Hương lớp em rất xinh xắn. dáng người bạn mảnh mai, Hương ăn mặc rất giản dị, quần áo của bạn bao giờ cũng gọn gàng. Nước da trắng hồng tự nhiên. Khuôn mặt tròn, nổi bật lên là đôi mắt to, đen láy* |
| **4. Hoạt động Vận dụng:(2 phút)** | |
| - Nhắc lại phần ghi nhớ | - HS nghe và thực hiện |
| - Về nhà viết một đoạn văn ngắn từ 5-7 câu giới thiệu về gia đình em trong đó có sử dụng câu ghép. | - HS nghe và thực hiện |

***Khoa học***

**SỰ BIẾN ĐỔI HOÁ HỌC (Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT :**

**1. Kiến thức:** Nêu được một số ví dụ về biến đổi hoá học xảy ra do tác dụng của nhiệt hoặc tác dụng của ánh sáng .

**2. Kĩ năng:** Rèn kĩ năng quan sát, tiến hành thí nghiêm.

**3. PhẨM chất:** chăm chỉ, trách nhiệm

**\* Lồng ghép GDKNS :**

- Kĩ năng quản lí thời gian trong quá trình tiến hành thí nghiệm.

- Kĩ năng ứng phó trước những tình huống không mong đợi xảy ra trong quá trình tiến hành thí nghiệm(của trò chơi).

**4. Năng lực:** Nhận thức thế giới tự nhiên, tìm tòi, khám phá thế giới tự nhiên,vận dụng kiến thức vào thực tiễn và ứng xử phù hợp với tự nhiên, con người.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :**

**1. Đồ dùng**

- GV : Giấy trắng, đèn cồn, giấm ( chanh) que tính, ống nghiệm hoặc lon sữa bò

- HS : Chuẩn bị theo nhóm giấy trắng, chanh, lon sữa bò...

**2. Phương pháp và kĩ thuật dạy học:**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thảo luận nhóm, thực hành, trò chơi học tập.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, động não,...

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

| **Hoạt động của thầy** | | **Hoạt động của trò** |
| --- | --- | --- |
| **1. Hoạt động khởi động:(3 phút)** | | |
| - Cho HS chơi trò chơi"Bắn tên" với các câu hỏi:  + Dung dịch là gì?  + Kể tên một số dung dịch mà bạn biết ?  + Làm thế nào để tách các chất trong dung dịch?  - GV nhận xét, đánh giá  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | -HS chơi trò chơi      - HS nghe  - HS ghi vở | |
| **2. Hoạt động Khám phá:(30 phút)** | | |
| **\*HĐ1**: Tổ chức cho HS thực hành các thí nghiệm:  +Thí nghiệm 1:  +Thí nghiệm 2:  - GV nêu câu hỏi:  + Hiện tượng chất này bị biến đổi thành chất khác gọi là gì?  - GV nhận xét đánh giá  **\*HĐ2**: Thảo luận nhóm  - GV nhận xét, chốt lại các kết quả sau: | | - Thảo luận nhóm 4, báo cáo kết quả trước lớp  - Các nhóm đốt tờ giấy  - Các nhóm ghi nhận xét  + Giấy bị cháy cho ta tro giấy  - Các nhóm chưng đường  - Ghi nhận xét  +Đường cháy đen, có vị đắng  + Sự biến đổi hoá học    - Các nhóm quan sát H2-3-4-5-6-7  - Các nhóm thảo luận báo cáo trên bảng phụ |
| | **Hình** | **Trường hợp** | **Biến đổi** | **Giải thích** | | --- | --- | --- | --- | | 2 | Cho vôi sống vào nước | Hoá học | Vôi sống khi thả vào nước đã không giữ lại được tính chất của nó nữa, nó đã bị biến đổi thành vôi tôi dẻo quánh, kèm theo sự toả nhiệt. | | 3 | Xé giấy thành những mảnh vụn | Lí học | Giấy bị cắt vụn vẫn giữ nguyên tính chất, không bị biến đổi thành chất khác. | | 4 | Xi măng trộn cát | Lí học | Xi măng và cát thành hỗn hợp xi măng cát, tính chất của cát và xi măng vẫn giữ nguyên, không đổi | | 5 | Xi măng trộn cát và nước | Hóa học | Xi măng trộn cát và nước thành vữa xi măng, tính chất hoàn toàn khác với tính chất của ba chất tạo thành nó là cát, xi măng và nước | | 6 | Đinh mới để lâu ngày thành đinh gỉ | Hoá học | Dưới tác dụng của hơi nước trong không khí, chiếc đinh bị gỉ, tính chất của đinh gỉ khác hẳn tính chất của đinh mới | | 7 | Thủy tinh ở thể lỏng sau khi được thổi thành các chai, lọ, để nguội thành thủy tinh ở thể rắn | Lí học | Dù ở thể rắn hay thể lỏng, tính chất của thủy tinh vẫn không thay đổi | | | |
| **3.Hoạt động Vận dụng:(2 phút)** | | |
| - Chia sẻ với mọi người về sự biến đổi hóa học. | | - HS nghe và thực hiện |
| **4. Hoạt động sáng tạo:(**1 phút) | | |
| - Về nhà làm thí nghiệm đơn giản chứng minh sự biến đổi hóa học | | - HS nghe và thực hiện |

*Toán(****LT)***

**ÔN LUYỆN VBT/11**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT :**

**1. Kiến thức:**

- Củng cố quy tắc tính chu vi hình tròn và vận dụng để giải bài toán có yếu tố thực tế về chu vi hình tròn.

**2. Kĩ năng:** Rèn kĩ năng tính chu vi hình tròn

**3. Phẩm chất:** chăm chỉ, trách nhiệm

**4. Năng lực:**

- Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :**

**1. Đồ dùng**

- GV: VBT, bảng phụ

- VBT, bảng nhóm

**2. Phương pháp và kĩ thuật dạy học**

- Vấn đáp , quan sát, thảo luận nhóm, thực hành…

- Kĩ thuật đặt và trả lời câu hỏi.

- Kĩ thuật trình bày một phút. kĩ thuật động não...

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** |
| --- | --- |
| **1. Hoạt động khởi động:(3 phút)** | |
| - Cho HS hát | - HS hát |
| **2. HĐ ôn luyện: *(30 phút)*** | |
| **Bài1(a,b): *HĐ cá nhân***  - Gọi một HS đọc đề bài.  - HS làm bài cá nhân  - HS chia sẻ  - GV nhận xét, kết luận  - Yêu cầu HS nêu lại cách tính chu vi của hình tròn    **Bài 2: *HĐ cá nhân***  - Gọi 1 HS đọc yêu cầu của bài.  -Yêu cầu HS làm bài cá nhân  - GV nhận xét, kết luận  ***Bài 3: HĐ* cá nhân**  - Gọi 1 HS đọc đề bài.  - Yêu cầu HS làm bài.  - Gọi HS chia sẻ kết quả  - GV nhận xét, kết luận. | - HS đọc  - HS làm vào vở; sau đó chia sẻ  *Cột 1. Chu vi hình tròn là:*  *1,2  3,14 =3, 768(cm )*  *Cột 2. Chu vi của hình tròn là:*  *1,6  3,14 = 5, 024(dm)*  - HS đọc  - HS làm bài vào vở, sau đó chia sẻ  - C = d  3,14 và nhắc lại quy tắc  *Giải*  *Cột 1: Chu vi hình tròn là:*  *5  2  3,14 = 31,4(cm)*  *Cột 2: Chu vi hình tròn là:*  *2,7  2  3,14 = 16,956 (dm)*  - HS đọc  - HS làm vào vở; sau đó chia sẻ  *Bài giải*  *Chu vi của bánh xe đó là:*  *1,2  3,14 = 3,468 (m)*  *Đáp số: 3,468 (m)* |
| **3. Hoạt động Vận dụng:(2 phút)** | |
| - Cho HS làm bài sau: *Một bánh xe có bán kính là 0,35m. Tính chu vi của bánh xe đó.* | - HS thực hiện  C= 0,35 x 2 x 3,14 = 2,198(m) |
| **4. Hoạt động sáng tạo:(1 phút)** | |
| - Về nhà đo bán kính của chiếc mâm của nhà em rồi tính chu vi của chiếc mâm đó. | - HS nghe và thực hiện |

**Thứ sáu ngày 19 tháng 01 năm 2024**

***Toán***

**CHU VI HÌNH TRÒN**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT :**

**1. Kiến thức:**

- Biết quy tắc tính chu vi hình tròn và vận dụng để giải bài toán có yếu tố thực tế về chu vi hình tròn.

- HS làm bài 1(a,b), bài 2c, bài 3.

**2. Kĩ năng:** Rèn kĩ năng tính chu vi hình tròn

**3. Phẩm chất:** chăm chỉ, trách nhiệm

**4. Năng lực:**

- Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Bảng phụ vẽ một hình tròn

+ Cả GV và HS chuẩn bị mảnh bìa cứng hình tròn bán kính 2cm

+ Tranh phóng to hình vẽ như SGK(trang 97)

+ Một thước có vạch chia xăng- ti - mét và mi - li - mét có thể gắn được trên bảng

- HS : SGK, bảng con, vở, mảnh bìa cứng hình tròn bán kính 2cm

**2. Phương pháp và kĩ thuật dạy học**

- Vấn đáp , quan sát, thảo luận nhóm, thực hành…

- Kĩ thuật đặt và trả lời câu hỏi.

- Kĩ thuật trình bày một phút. kĩ thuật động não...

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** |
| --- | --- |
| **1. Hoạt động khởi động:(3 phút)** | |
| - Cho HS hát  - Gọi 1 HS lên vẽ một bán kính và một đường kính trong hình tròn trên bảng phụ, so sánh độ dài đường kính và bán kính .  - Hỏi: Nêu các bước vẽ hình tròn với kích thước cho sẵn?  - GV nhận xét, đánh giá  - Giới thiệu bài- Ghi bảng | - HS hát  - HS thực hiện vẽ .Trả lời  - Đường kính dài gấp 2 lần bán kính  - HS chỉ trên hình vẽ phần đường tròn và nêu.  - HS nghe  - HS ghi vở |
| **2.Hoạt động Khám phá:(15 phút)** | |
| *\*Giới thiệu công thức và quy tắc tính diện tích hình tròn*  *- Đặt vấn đề : C*ó thể tính được độ dài đường tròn hay không? Tính bằng cách nào? Bài hôm nay chúng ta sẽ biết.  **\****Tổ chức hoật động trên đồ dùng trực quan*  - GV: Lấy mảnh bìa hình tròn có bán kính 2cm giơ lên và yêu cầu HS lấy hình tròn đã chuẩn bị để lên bàn, lấy thước có chia vạch đến xăng-ti-mét và mi-li- mét ra.  - GV kiểm tra đồ dùng học tập của HS ; tạo ra nhóm học tập  **\****Giới thiệu công thức tính chu vi hình tròn*  - Trong toán học, người ta có thể tính được chu vi của hình tròn đó (có đường kính là : 2  2 = 4cm) bằng công thức sau:  C = 4 3,14 = 12,56(cm) *Đường kính*  3,14 = chu vi  - Gọi HS nhắc lại  - GV ghi bảng :  C = d x 3,14  C: là chu vi hình tròn  d: là đường kính của hình tròn  - Yêu cầu phát biểu quy tắc ?  **\****Ví dụ minh hoạ*  - GV chia đôi bảng làm 2 ví dụ lên bảng  - Gọi 2 HS lên bảng làm 2 ví dụ trong SGK; HS dưới lớp làm ra nháp  - Gọi 2 HS nhận xét  - Nhận xét chung  - Yêu cầu HS nhắc lại quy tắc tính chu vi khi biết đường kính hoặc bán kính  - Lưu ý học sinh đọc kỹ để vận dụng đúng công thức. | - HS theo dõi hiểu được mục tiêu bài học  - HS lấy hình tròn và thước đã chuẩn bị đặt lên bàn theo yêu cầu của GV  - HS ghi vào vở công thức:  C = d  3,14  - HS nêu thành quy tắc.  - *Ví dụ 1*: Chu vi của hình tròn là:  6 3,14 = 18,48 (cm)  - *Ví dụ 2*: Chu vi của hình tròn là:  5  2  3,14 = 31,4 (cm)  - HS nhắc lại:  C = d  3,14  C = r 2  3,14 |
| **3. HĐ thực hành: *(15 phút)*** | |
| **Bài1(a,b): *HĐ cá nhân***  - Gọi một HS đọc đề bài.  - HS làm bài cá nhân  - HS chia sẻ  - GV nhận xét, kết luận  - Yêu cầu HS nêu lại cách tính chu vi của hình tròn    **Bài 2c: *HĐ cá nhân***  - Gọi 1 HS đọc yêu cầu của bài.  -Yêu cầu HS làm bài cá nhân  - GV nhận xét, kết luận  ***Bài 3: HĐ* cá nhân**  - Gọi 1 HS đọc đề bài.  - Yêu cầu HS làm bài.  - Gọi HS chia sẻ kết quả  - GV nhận xét, kết luận | - HS đọc  - HS làm vào vở; sau đó chia sẻ  *a. Chu vi hình tròn là:*  *0,6  3,14 =1,884(cm )*  *b. Chu vi của hình tròn là:*  *2,5  3,14 =7,85(dm)*  *Đáp số: a. 1,884cm*  *b. 7,85dm*  - HS đọc  - HS làm bài vào vở, sau đó chia sẻ  - C = d  3,14 và nhắc lại quy tắc  *Giải*  *c) Chu vi hình tròn là:*  *2  3,14 = 3,14 (dm)*  *Đáp số: c) 3,14 m*  - HS đọc  - HS làm vào vở; sau đó chia sẻ  *Bài giải*  *Chu vi của bánh xe đó là:*  *0,75  3,14 = 2,355 (m)*  *Đáp số: 2,355 m* |
| **4. Hoạt động Vận dụng:(2 phút)** | |
| - Cho HS làm bài sau: *Một bánh xe có bán kính là 0,35m. Tính chu vi của bánh xe đó.* | - HS thực hiện  C= 0,35 x 2 x 3,14 = 2,198(m) |
| **5. Hoạt động sáng tạo:(1 phút)** | |
| - Về nhà đo bán kính của chiếc mâm của nhà em rồi tính chu vi của chiếc mâm đó. | - HS nghe và thực hiện |

***Tập làm******văn***

**LUYỆN TẬP TẢ NGƯỜI**

(Dựng đoạn kết bài)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT :**

**1. Kiến thức:**

- Nhận biết được hai kiểu kết bài ( mở rộng và không mở rộng ) qua hai đoạn kết bài trong SGK (BT1) .

- Viết được hai đoạn kết bài theo yêu cầu của BT2 .

- HS (M3,4) làm được BT3 ( tự nghĩ đề bài, viết đoạn kết bài).

**2. Kĩ năng:** Rèn kĩ năng viết đoạn kết bài của bài văn tả người.

**3. Phẩm chất:** nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm.

**4. Năng lực:**

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ viết 2 kiểu KB và BT 2,3.

- HS : SGK, vở viết

**2.Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học**

- Kĩ thuật đặt và trả lời câu hỏi.

- Kĩ thuật trình bày một phút

- Vấn đáp , quan sát, thảo luận , ...

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

| **Hoạt động của thầy** | | **Hoạt động của trò** |
| --- | --- | --- |
| **1. Hoạt động khởi động:(5phút)** | | |
| - Cho HS hát  - Nêu cấu tạo của bài văn tả người?  - GV nhận xét, kết luận  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | - HS hát  - HS nêu  - HS nghe  - HS ghi vở | |
| **2. Hoạt động thực hành:(28 phút)** | | |
| **Bài 1: *HĐ nhóm***  - Gọi 1 HS đọc yêu cầu bài tập  - Có mấy cách kết bài? Là những cách nào?  - Tổ chức hoạt động nhóm  - Gọi đại diện nhóm nêu kết quả  - GV nhận xét chữa bài  **Bài 2: *HĐ cá nhân***  - Gọi 1 HS đọc đề bài tập số 2, xác định yêu cầu của bài ?  - Gọi HS đọc lại 2 cách mở bài trong tiết trước.  - Gợi ý: hôm nay các em sẽ viết kết bài với đề bài tiết trước các em đã chọn.  - Cho HS làm bài cá nhân  - Cho HS chia sẻ  - GV nhận xét, đánh giá. | | - Lớp đọc thầm theo  - 2 cách:  + Kết bài mở rộng.  + Kết bài không mở rộng.  a) Kết bài không mở rộng: tiếp nối lời kể về bà, nhấn mạnh tình cảm với người được tả.  b) Kết bài mở rộng : sau khi tả bác nông dân, nói lên tình cảm với bác, bình luận về vai trò của của những người nông dân đối với xã hội.  + Viết đoạn kết bài theo 2 cách trên.  - HS làm bài  - HS chia sẻ  - HS khác nhận xét, bổ sung:  + Nội dung  + Câu từ |
| **3.Hoạt động Vậndụng:(2 phút)** | | |
| - Nhắc lại kiến thức về 2 kiểu kết bài  - Nhận xét tiết học | | - HS nghe |
| - Về nhà hoàn thành tiếp đoạn văn .  - Chuẩn bị tiết sau. | | - HS nghe và thực hiện |

***Địa lí***

**CHÂU Á**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT :**

**1. Kiến thức:** Biết tên các châu lục và đại dương trên thế giới: châu Á, châu Âu, châu Mĩ, châu Phi, châu Đại Dương, châu Nam Cực; các đại dương: Thái Bình Dương, Đại Tây Dương, Ấn Độ Dương.

- Nêu được vị trí giới hạn của châu Á:

+ Ở bán cầu Bắc, trải dài từ cực Bắc tới quá Xích đạo ba phía giáp biển và đại dương.

+ Có diện tích lớn nhất trong các châu lục trên thế giới.

- Nêu được một số đặc điểm về địa hình, khí hậu của châu Á:

+ 3/4 diện tích là núi và cao nguyên, núi cao và đồ sộ bậc nhất thế giới.

+ Châu Á có nhiều đới khí hậu: nhiệt đới, ôn đới, hàn đới.

**2. Kĩ năng:** Sử dụng quả địa cầu, bản đồ, lược đồ để nhận biết vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ châu Á.

- Đọc tên và chỉ vị trí một số dãy núi, cao nguyên, đồng bằng, sông lớn của châu Á trên bản đồ( lược đồ).

- HS (3,4) dựa vào lược đồ trống ghi tên các châu lục và đại dương giáp với châu Á.

**3. Phẩm chất:** Chăm chỉ, yêu nước, trách nhiệm.

**\*GDBVMT:** Sự thích nghi của con người với môi trường với việc bảo vệ môi trường.

**4. Năng lực:**

- Năng lực tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sán g tạo.

- Năng lực hiểu biết cơ bản về Địa lí, năng lực tìm tòi và khám phá Địa lí, năng lực vận dụng kiến thức Địa lí vào thực tiễn

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bản đồ tự nhiên châu Á, các hình minh hoạ của SGK.

- HS: SGK, vở

**2. Dự kiến phương pháp và kĩ thuật dạy học**

- Kĩ thuật đặt và trả lời câu hỏi

- Kĩ thuật trình bày 1 phút

- PP: quan sát, thảo luận, vấn đáp

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

| **Hoạt động của thầy** | | **Hoạt động của trò** |
| --- | --- | --- |
| **1. Hoạt động khởi động:(5phút)** | | |
| - Cho HS hát  - GV tổng kết môn Địa lí học kì I  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | - HS hát  - HS nghe  - HS ghi vở | |
| **2. Hoạt động Khám phá:(28phút)** | | |
| ***Hoạt động 1:*** *Các châu lục và các đại dương thế giới, châu Á là một trong 6 châu lục của thế giới.(Cá nhân)*  - Hãy kể tên các châu lục, các đại dương trên thế giới mà em biết.  - Khi HS trả lời, GV ghi nhanh lên bảng thành 2 cột, 1 cột ghi tên các châu lục, 1 cột ghi tên các đại dương.  ***Hoạt động 2:*** *Vị trí địa lí và giới hạn của châu Á(Cặp đôi)*  - GV treo bảng phụ viết sẵn các câu hỏi hướng dẫn tìm hiểu về vị trí địa lí châu Á (hoặc viết vào phiếu giao cho HS).  - GV tổ chức HS làm việc theo cặp:  + Nêu yêu cầu: Hãy cùng quan sát hình 1 và trả lời các câu hỏi .  - Trình bày kết quả  - GV nhận xét kết quả làm việc của HS, sau đó nêu kết luận: Châu Á nằm ở bán cầu Bắc, có 3 phía giáp biển và đại dương.  ***Hoạt động 3:*** *Diện tích và dân số châu Á (Cá nhân)*  - GV yêu cầu HS đọc bảng số liệu.  - Em hiểu chú ý 1 và 2 trong bảng số liệu như thế nào?  - GV kết luận: *Trong 6 châu lục thì châu Á có diện tích lớn nhất.*  ***Hoạt động 4:*** *Các khu vực của châu Á và nét đặc trưng về tự nhiên của mỗi khu vực(Cặp đôi)*  - GV treo lược đồ các khu vực châu Á.  - Hãy nêu tên lược đồ và cho biết lược đồ thể hiện những nội dung gì?  - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm để thực hiện phiếu học tập  - GV mời 1 nhóm lên trình bày, yêu cầu các nhóm khác theo dõi. | | *+ Các châu lục trên thế giới****:***  1. Châu Mĩ.  2. Châu Âu  3. Châu Phi  4. Châu Á  5. Châu đại dương  6. Châu Nam cực  *+ Các đại dương trên thế giới:*  1. Thái Bình Dương  2. Đại Tây Dương  3. Ấn Độ Dương  4. Bắc Băng Dương  - Đọc thầm các câu hỏi.  - Làm việc theo cặp, cùng xem lược đồ, trao đổi, trả lời từng câu hỏi.  - Đại diện 1 số em trình bày  - Bảng số liệu thống kê về diện tích và dân số của các châu lục, dựa vào bảng số liệu ta có thể so sánh diện tích và dân số của các châu lục với nhau.  - HS đọc lược đồ, đọc phần chú giải  - Lược đồ các khu vực châu Á, lược đồ biểu diễn:  + Địa hình châu Á.  + Các khu vực và giới hạn từng khu vực của châu Á.  - HS làm việc theo nhóm đôi  - Một nhóm HS trình bày trước lớp. HS cả lớp theo dõi và nhận xét. |
| **3.Hoạt động ứng dụng:(2 phút)** | | |
| - Nước ta nằm ở châu lục nào ? | | - HS nêu: Châu Á |
| **4. Hoạt động sáng tạo:(**1 phút) | | |
| - Về nhà tìm hiểu về một số nước ở khu vực châu Á. | | - HS nghe và thực hiện |

**TIẾNG VIỆT(TH)**

**ÔN LUYỆN VẾ CÂU GHÉP**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT :**

**1. Kiến thức:** Củng cố cách nối các vế câu ghép bằng các quan hệ từ và nối các vế câu ghép không dùng từ nối.

**2. Kĩ năng:** Nhận biết được câu ghép trong đoạn văn, viết được đoạn văn theo yêu cầu BT.

**3. Phẩm chất:** chăm chỉ, trách nhiệm.

**4. Năng lực:**

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :**

**1. Đồ dùng**

- Giáo viên: VBT, bảng phụ, Từ điển Tiếng Việt

- Học sinh: Vở viết,VBT

**2. Phương pháp và kĩ thuật dạy học:**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, trò chơi học tập.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, “động não”

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** |
| --- | --- |
| **1. Hoạt động khởi động:(3 phút)** | |
| - Cho HS thi đua*: Nhắc lại ghi nhớ về câu ghép.*  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài- Ghi bảng | - HS nêu  - HS nghe  - HS ghi vở |
| **2. HĐ thực hành: *(25 phút)*** | |
| **Bài 1: *HĐ nhóm***  - Gọi 1 HS đọc yêu cầu bài tập số1  - GV treo bảng phụ  - Tổ chức hoạt động nhóm  - Gọi đại diện nhóm chia sẻ kết quả  - GV nhận xét, chữa bài  **Bài 2: HĐ cá nhân**  - Yêu cầu HS đọc đề bài  - Bài có mấy yêu cầu?  - HS làm việc cá nhân.  - Gọi HS chia sẻ.  - GV nhận xét chữa bài | - HS nêu yêu cầu  - HS quan sát  - HS trao đổi trong nhóm và làm bài  + Đoạn a có 1 câu ghép, với 4 vế câu  + Đoạn b có 1 câu ghép, với 3 vế câu  + Đoạn c có 1 câu ghép, với 3 vế câu  Các quan hệ từ : *thì , rồi*  - HS đọc  - 2 Yêu cầu  + Viết đoạn văn ... có câu ghép  + Chỉ ra cách nối các vế câu |
| **3. Hoạt động Vận dụng:(2 phút)** | |
| - Nhắc lại phần ghi nhớ | - HS nghe và thực hiện |
| - Về nhà viết một đoạn văn ngắn từ 5-7 câu giới thiệu về gia đình em trong đó có sử dụng câu ghép. | - HS nghe và thực hiện |

**Sinh hoạt lớp**

**I. Mục tiêu:**

- HS thấy được những ưu điểm và tồn tại của bản thân, của lớp trong tuần để có hướng khắc phục và vươn lên.

- Giáo dục học sinh ý thức tự quản tốt.

**II. Nội dung sinh hoạt:**

1. Lớp trưởng nhận xét chung về các mặt hoạt động của lớp trong tuần

2. Các tổ sinh hoạt

- Nhận xét cụ thể từng thành viên trong tổ

- Tuyên dương, phê bình

3. **GV nhận xét và phổ biến kế hoạch tuần tới.**

- Phát huy việc học bài và làm bài ở nhà.

- Vệ sinh cá nhân, vệ sinh trường lớp sạch sẽ.

- Đại hội chi đội.

- Tiếp tục trồng bổ sung cây hoa.

- Tham gia đầy đủ các buổi học bồi dưỡng và phụ đạo HS còn khó khăn trong học tập.

4. **Dặn dò**:

- Lớp thực hiện đúng theo kế hoạch đề ra.

- Tổ trực nhật sạch sẽ.